

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: **38** /2014/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày **18** tháng 5 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Quy hoạch Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN	
C.V	Số:
ĐẾN	Ngày:/...../201...
	Chuyển:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 9 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của trung tâm văn hóa - thể thao quận, huyện, thị xã trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030, với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát: Đến năm 2020, hệ thống thiết chế văn hóa thể thao từ tỉnh đến thôn, xóm, tổ dân phố phát triển đồng bộ, từng bước khắc phục chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân; đến năm 2030, phát triển đạt các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2014 - 2020

- Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao do ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý:

Phần đầu từ 70 - 80% thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (08 thiết chế): Sửa chữa, nâng cấp 05 thiết chế: Trung tâm Văn hóa, Thư viện khoa học tổng hợp, Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng (Trung tâm Điện ảnh), Trung tâm Dịch vụ và thi đấu thể thao, Trung tâm Thể dục thể thao; xây dựng mới 3 thiết chế: Bảo tàng, Nhà hát, Khu Liên hợp thể thao.

Phần đầu từ 60 - 65% Trung tâm Văn hóa Thể thao, Thư viện cấp huyện đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (từ 10 đến 12 thiết chế): Sửa chữa, nâng cấp 03 Trung tâm Văn hóa Thể thao thị xã Sông Công, huyện Phổ Yên, Võ Nhai; 03 Thư viện các huyện Đại Từ, thành phố Thái Nguyên, Võ Nhai; xây dựng mới 06 Trung tâm Văn hóa Thể thao thành phố Thái Nguyên, các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa, Phú Bình, Đồng Hỷ.

Phần đầu từ 30 - 35% Trung tâm Văn hóa Thể thao xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Xây mới từ 55 đến 60 Trung tâm Văn hóa Thể thao xã đạt chuẩn; trong đó được đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em.

Phần đầu từ 50% trở lên Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, xóm, tổ dân phố đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Sửa chữa,

nâng cấp từ 1.200 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn trở lên hiện có đạt chuẩn; trong đó được đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em.

- Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở phục vụ thanh thiếu niên, nhi đồng: Phân đầu từ 30% trở lên đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gồm: Sửa chữa, nâng cấp Nhà thiếu nhi của thành phố Thái Nguyên và huyện Định Hóa; xây dựng mới 01 Cung Thiếu nhi (Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi) cấp tỉnh.

- Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở phục vụ công nhân và người lao động: Phân đầu 100% khu công nghiệp, khu chế xuất có quy hoạch quỹ đất và xây dựng được Trung tâm Văn hóa Thể thao phục vụ công nhân, người lao động (gồm 05 khu: Sông Công 1, Sông Công 2, Yên Bình, Nam Phổ Yên và Diềm Thụy); xây dựng 01 Nhà văn hóa Lao động hoặc Cung Văn hóa Lao động cấp tỉnh.

b) Định hướng đến năm 2030

- Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý: Phân đầu 100% các thiết chế văn hóa thể thao từ tỉnh đến cơ sở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cấp tỉnh 10 thiết chế văn hóa thể thao; cấp huyện 09 Trung tâm Văn hóa Thể thao, 09 Thư viện; cấp xã 180 Trung tâm Văn hóa Thể thao; 3.036 Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn).

- Hệ thống Trung tâm Văn hóa Thể thao cơ sở phục vụ thanh thiếu niên, nhi đồng: Phân đầu 100% Trung tâm Văn hóa Thể thao xây dựng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (mỗi huyện, thành phố, thị xã có 01 Nhà thiếu nhi).

- Hệ thống Trung tâm Văn hóa Thể thao cơ sở phục vụ công nhân và người lao động: Phân đầu 100% các Trung tâm Văn hóa Thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (mỗi huyện, thành phố, thị xã có 01 Nhà văn hóa Lao động); 100% khu công nghiệp, khu chế xuất có Trung tâm Văn hóa Thể thao.

3. Giải pháp thực hiện Quy hoạch

- *Nhóm giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương, tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch.*

- *Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước:* Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về cơ chế chính sách, tổ chức, quy chế đối với hoạt động văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở; tăng cường công tác quản lý nhà nước, cụ thể

hóa các quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

- *Nhóm giải pháp về quy hoạch, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ:* Quy hoạch, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, lao động tham gia quản lý, vận hành các thiết chế văn hóa thể thao từ tỉnh đến cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ văn hóa, nghệ nhân, cộng tác viên ở cơ sở; đảm bảo chế độ chính sách đối với cán bộ hoạt động văn hóa thể thao cơ sở.

- *Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thể thao từ tỉnh đến cơ sở:* Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động văn hoá, thể thao gắn với nhu cầu người dân, hướng tới việc tự chủ hoạt động của các nhà văn hóa xóm, bản, tổ dân phố.

- *Nhóm giải pháp về kinh phí đầu tư xây dựng, tổ chức hoạt động:* Đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao ở cơ sở gắn với dịch vụ và thị trường.

- *Nhóm giải pháp về quỹ đất xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao từ tỉnh đến cơ sở:* Ưu tiên bố trí vị trí, địa điểm, quỹ đất có vị trí thuận tiện và quy mô phù hợp để xây dựng các công trình văn hóa, thể thao từ cấp tỉnh đến thôn, xóm, tổ dân phố cho phù hợp với tiêu chuẩn quy định và phù hợp với phong tục, tập quán, đặc điểm vùng, miền ngay từ khâu lập quy hoạch sử dụng đất.

4. Kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí (tối thiểu): **5.923,5** tỷ đồng.

- Tỷ lệ phân bổ:

+ Ngân sách Trung ương (Chương trình Mục tiêu Quốc gia): 40%.

+ Ngân sách địa phương: 25%.

+ Xã hội hóa và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác: 35%.

- Cụ thể phân bổ theo từng giai đoạn:

+ Giai đoạn 2014 - 2020: **1.314** tỷ đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương 525,6 tỷ đồng, ngân sách địa phương 328,5 tỷ đồng, xã hội hóa và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác: 459,9 tỷ đồng).

+ Giai đoạn 2021- 2030: **4.609,5** tỷ đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương 1.843,8 tỷ đồng, ngân sách địa phương: 1.152,375 tỷ đồng, xã hội hóa và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác: 1.613,325 tỷ đồng).

Tổng kinh phí trên chưa bao gồm kinh phí để vận hành các thiết chế văn hóa thể thao và đền bù giải phóng mặt bằng (có phụ biểu kinh phí kèm theo).

Điều 2. Giao UBND tỉnh tiếp thu ý kiến các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, hoàn chỉnh Quy hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết có hiệu quả, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XII, kỳ họp thứ 9 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 16 tháng 5 năm 2014./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên;
- UB MTTQVN tỉnh Thái Nguyên;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XII;
- Các sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Ban Chỉ đạo GPMB tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Văn phòng;
- Các CV Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh (Đề đăng);
- Lưu VT. 

CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Bắc



1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

BIỂU TỔNG HỢP

Khái toán kinh phí xây dựng các thiết chế văn hoá, xóm, bản, thôn, tổ dân phố



STT	Danh mục thiết chế	Phân cấp (Địa điểm)	Giai đoạn 2014-2020		Định hướng đến năm 2030				
			Số lượng TC	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng TC	Đơn giá	Thành tiền	
I.	Các thiết chế văn hoá, thể thao cấp tỉnh								
<i>1.</i>	<i>Cải tạo, nâng cấp, và sửa chữa</i>								
	Trung tâm Văn hoá	Tỉnh Thái Nguyên	01	10,0	10,0	01	20,0	20,0	20,0
	Trung tâm Dịch vụ và thi đấu thể thao	Tỉnh Thái Nguyên	01	5,0	5,0	01	10,0	10,0	10,0
	Trung tâm thể dục thể thao	Tỉnh Thái Nguyên	01	10,0	10,0	01	10,0	10,0	10,0
	Thư viện khoa học tổng hợp	Tỉnh Thái Nguyên	01	10,0	10,0	01	20,0	20,0	20,0
	Trung tâm Điện ảnh	Tỉnh Thái Nguyên	01	10,0	10,0	01	20,0	20,0	20,0
2.	Xây mới								
	Bảo tàng tỉnh	Tỉnh Thái Nguyên	01	50,0	50,0	01	50,0	50,0	50,0
	Nhà hát	Tỉnh Thái Nguyên	01	20,0	20,0	01	30,0	30,0	30,0
	Khu Liên hợp thể thao	Tỉnh Thái Nguyên			460,0				2.040,0
	Trung tâm Thông tin Truyền âm	Tỉnh Thái Nguyên	0	0	0	01	50,0	50,0	50,0
	Trường Phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	Tỉnh Thái Nguyên	0	0	0	01	50,0	50,0	50,0
	Cung thiếu nhi, Trung tâm thanh thiếu nhi, NTN	Tỉnh Thái Nguyên	01	50,0	50,0	01	50,0	50,0	50,0
	Cung văn hoá lao động, Nhà văn hoá lao động	Tỉnh Thái Nguyên	0	0	0	01	50,0	50,0	50,0
	Xây mới Trung tâm Văn hoá - Thể thao KCN-KCX	KCN-KCX	05	10,0	50,0	05	20,0	100,0	100,0
II.	Cấp huyện								
<i>1.</i>	<i>Cải tạo, nâng cấp và sửa chữa</i>								
	Trung tâm Văn hoá - Thể thao	Huyện, thành, thị	03	5,0	15,0	03	5,0	15,0	15,0
	Thư viện	Huyện, thành, thị	02	2,0	4,0	02	2,0	4,0	4,0
	Nhà thiếu nhi	Huyện, thành, thị	02	10,0	20,0	02	10,0	20,0	20,0
2.	Xây mới								
	Trung tâm Văn hoá - Thể thao	Huyện, thành, thị	06	10,0	60,0	06	10,0	60,0	60,0
	Thư viện	Huyện, thành, thị	0	0	0	07	10,0	70,0	70,0
	Cung thiếu nhi, Trung tâm thanh thiếu nhi, NTN	Huyện, thành, thị	0	0	0	07	20,0	140,0	140,0
	Cung văn hoá lao động, Nhà văn hoá lao động	Huyện, thành, thị	0	0	0	09	10,0	90,0	90,0
III.	Cấp xã								
	Xây mới Trung tâm Văn hoá - Thể thao	Xã, phường, thị trấn	60	3,0	180,0	121	5,0	605,0	605,0
IV.	Cấp Thôn, bản, tổ dân phố								
<i>1.</i>	<i>Cải tạo và nâng cấp</i>								
	Nhà văn hoá - Khu thể thao	Thôn, bản, tổ dân phố	1.200	0,3	360,0	1.211	0,5	605,5	605,5
2.	Xây mới								
	Nhà văn hoá - Khu thể thao	Thôn, bản, tổ dân phố				625	0,8	500,0	500,0
	Tổng cộng				1.314,0			4.609,5	4.609,5

